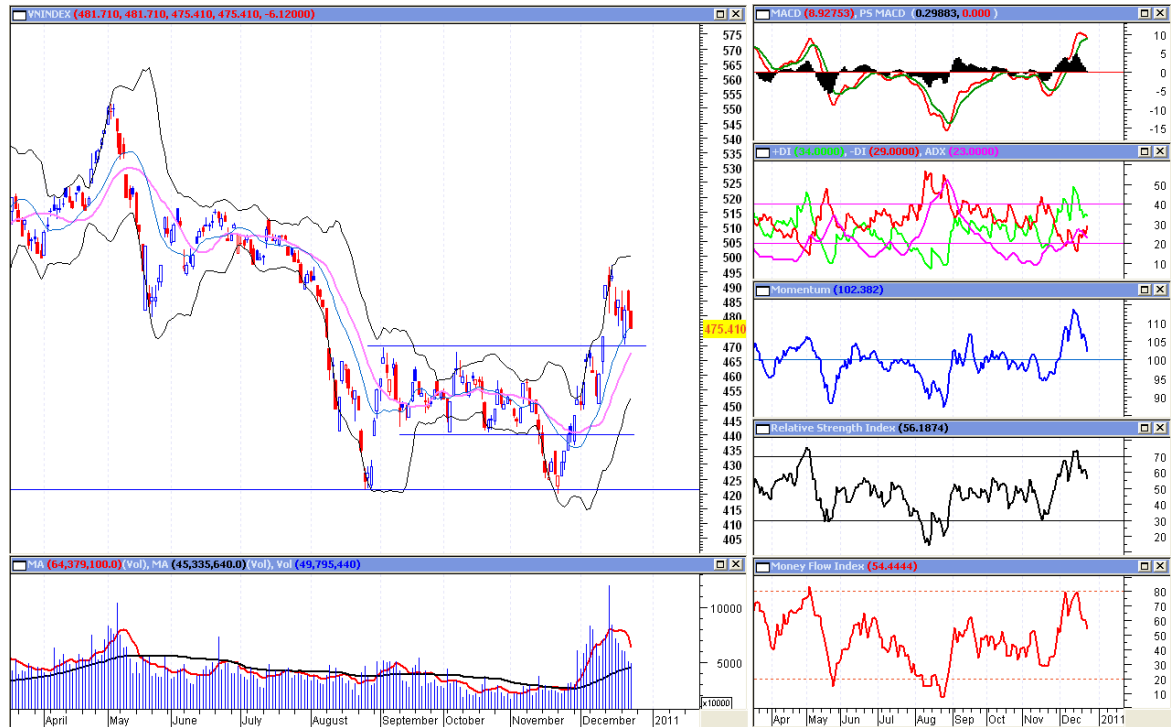


NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:



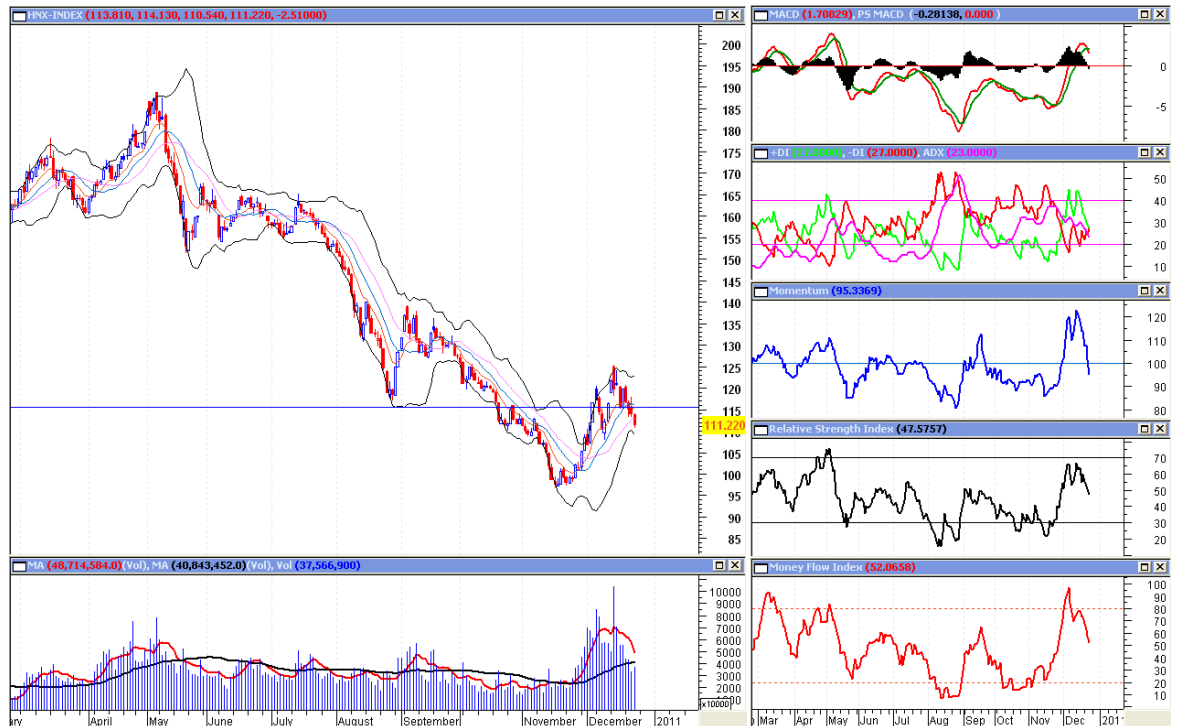
Mở cửa với mức tăng nhẹ, VN-Index dần điều chỉnh giảm xuống các mức giá thấp hơn trong phiên. Mặc dù có các đợt hồi phục nhẹ, lực cầu vẫn không có dấu hiệu gia tăng thể hiện sự hưng phấn của nhà đầu tư không còn duy trì. Kết thúc với 198 mã cổ phiếu giảm giá, chỉ 40 mã tăng giá, VN-Index giảm xuống mức thấp nhất trong phiên tại 475,41 điểm. So với phiên giao dịch trước, chỉ số giảm 6,12 điểm, tương ứng 1,27%.

Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm sút trong phiên hôm nay. Khối lượng giao dịch chỉ đạt 57,41 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị giao dịch đạt 1.417 tỷ đồng. Trong đó, nhà đầu tư nước ngoài mua vào 237 tỷ đồng, bán ra 105 tỷ đồng, mua ròng 132 tỷ đồng. Các cổ phiếu có vốn hóa lớn như KBC, DPM, HPG, CTG tiếp tục được khối ngoại mua ròng với khối lượng lớn, trong khi họ bán ra các cổ phiếu như FPT, PAC, VNE.

Theo phân tích kỹ thuật, sự kết thúc xu thế tăng giá của chỉ số đã sớm được cảnh báo khi mức 476 điểm bị xuyên thủng. Các chỉ báo kỹ thuật đang biến động theo chiều hướng không tích cực. Chỉ báo MACD tuy vẫn dương nhưng đã chạm vào đường tính hiệu, chỉ báo Momentum, RSI, MFI vẫn đang giảm dần và chưa tiến tới các mức cân bằng thể hiện trạng thái giảm giá của thị trường. Khối lượng giao dịch liên tục giảm sút không thể hiện được sự nhiệt tình của nhà đầu tư.

Hầu hết các tín hiệu kỹ thuật cho thấy thị trường đang chuyển sang giai đoạn giảm giá, nhưng việc chỉ số đã giảm về đường trung tâm của dải Bollinger sẽ cho thấy khả năng phiên tiếp theo chỉ số sẽ biến động tích cực hơn. Tuy nhiên, nhà đầu tư cần thận trọng trước các quyết định đầu tư trong giai đoạn hiện tại khi phần lớn cổ phiếu sẽ không đi ngược thị trường. Một tỷ trọng tiền mặt cao được ưu tiên trong giai đoạn hiện tại và nhà đầu tư cũng hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính, mức lãi suất cao với khả năng tăng trưởng không rõ ràng sẽ là sức ép lớn về tài chính.

HNX:



Tiếp tục phiên giảm điểm thứ 4 liên tiếp, HNX-Index giảm xuống mức 111,22 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Với mức đóng cửa đó, HNX-Index đã giảm 2,51 điểm, tương đương 2,21% so với phiên giao dịch trước.

Khối lượng giao dịch cải thiện nhẹ so với phiên trước đó với 40,7 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng, tương đương 843 tỷ đồng giá trị. Trong đó, có khá nhiều cổ phiếu có vốn hóa lớn như VCG, KLS, PVX hay BVS cải thiện về khối lượng giao dịch.

Trong phiên giao dịch tới, HNX-Index sẽ tiến tới mức hỗ trợ 110 điểm. Sự hồi phục của khối lượng giao dịch trước mức hỗ trợ đang cho thấy dòng tiền bắt đáy quay trở lại. Như vậy, một kịch bản biến động tích cực hơn có thể diễn ra trong ngắn hạn 1-2 phiên giao dịch tới đối với HNX-Index nếu khối lượng tiếp tục hồi phục. Đây có thể là cơ hội đối với những nhà đầu tư cơ ngắn hạn chủ động về nguồn cổ phiếu và là cơ hội giảm tỷ trọng chứng khoán đối với những nhà đầu tư đang có tỷ trọng chứng khoán cao. Với xu thế giảm được xem vẫn chi phối thị trường, nhà đầu tư cần duy trì tỷ trọng tiền mặt cao hơn trong danh mục.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phần lớn các cổ phiếu thuộc PVN trong phiên điều chỉnh giảm giá cùng biến động chung của 2 sàn. Trong số các cổ phiếu niêm yết, có 3 cổ phiếu tăng giá, 2 cổ phiếu đứng giá và có 24 cổ phiếu giảm giá. Trung bình nhóm cổ phiếu này giảm 2,63% so với phiên giao dịch trước đó với khối lượng giao dịch đạt 11,55 triệu cổ phiếu.

Các cổ phiếu tăng giá mạnh gồm có PHH, DPM, PXM. Các cổ phiếu giảm mạnh nhất gồm có PVV, PVE, PVL.

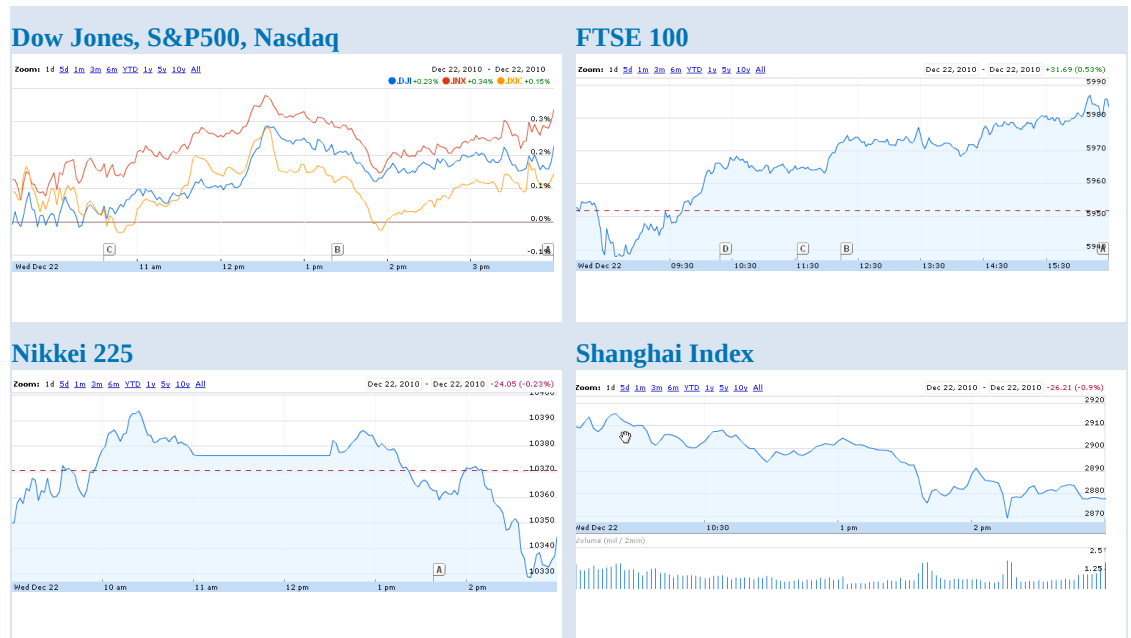
Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 23/12:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	21,000	591,600	↓ -2.33	1.58	9.03	HNX
2	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	10,200	42,000	↓ -1.92	1.31	106.69	HNX
3	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	13,700	173,900	↓ -4.86	0.60	N/A	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	25,300	362,900	↓ -5.95	1.67	2.02	HNX
5	PHH	CTCP Hồng Hà Dầu khí	15,700	220,700	↑ 0.64	1.35	6.49	HNX
6	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13,900	279,500	↓ -4.79	1.20	10.82	HNX
7	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	10,500	87,500	↓ -4.55	0.65	N/A	HNX
8	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	42,000	270,800	↓ -4.55	2.25	6.11	HNX
9	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	26,000	467,700	↓ -2.26	2.00	6.63	HNX
10	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	15,900	117,600	↓ -4.79	1.41	6.71	HNX
11	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,500	74,400	↓ -2.88	0.61	10.14	HNX
12	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,500	311,700	↓ -1.07	1.71	8.18	HNX
13	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	14,700	836,800	↓ -4.55	1.30	N/A	HNX
14	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	11,600	110,900	↓ -3.33	0.66	21.82	HNX
15	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,400	451,700	↓ -3.32	1.68	5.34	HNX
16	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	14,300	22,800	↓ -5.30	1.17	5.56	HNX
17	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	21,500	3,607,000	↓ -2.27	1.43	6.93	HNX
18	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	38,700	519,220	↑ 1.31	2.61	8.94	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17,800	618,680	→ 0.00	1.06	7.26	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,000	88,340	↓ -0.57	3.13	5.17	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	12,400	278,970	↓ -1.59	0.52	13.71	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52,500	264,840	→ 0.00	3.97	15.03	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	24,100	572,060	↓ -3.60	2.25	49.12	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,800	449,210	↓ -4.42	0.91	42.44	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	17,000	219,550	↓ -1.73	1.63	7.68	HSX
26	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	11,300	383,530	↓ -3.42	1.02	N/A	HSX
27	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,600	43,780	↑ 1.61	1.07	9.75	HSX
28	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14,500	56,350	↓ -2.03	1.36	6.23	HSX
29	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10,300	29,120	↓ -3.74	0.87	12.98	HSX
30	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10,600	78,900	↓ -9.40	0.95	23.75	UPCOM
31	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	5,700	500	↑ 5.56	0.58	N/A	UPCOM
32	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
33	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,600	19,400	↓ -2.27	0.78	N/A	UPCOM
34	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7,100	5,200	↑ 1.43	0.71	N/A	UPCOM
35	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đồng Dương	7,700	-	↑ 14.93	0.77	N/A	UPCOM
36	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,700	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Thị trường Mỹ: Mỹ tiếp tục công bố các chỉ số kinh tế trước kỳ nghỉ lễ Giáng Sinh, Số lượng đơn đặt hàng mới về các mặt hàng thiết bị máy móc tháng 10 giảm còn 3.3% sau khi tăng 5% trong tháng trước, trong đó thiết bị ngành giao thông sụt giảm nhiều nhất với 5.2%.

Thu nhập cá nhân tháng 10 tăng trưởng tích cực 0.5%, trong đó lương thưởng tăng 0.6%, tiếp tục đà tăng từ tháng trước. Chỉ tiêu gia đình cũng cho thấy các dấu hiệu tích cực với việc chỉ số PCE (chỉ tiêu cá nhân) được công bố ngày hôm qua tăng trong tháng vừa rồi. Dự báo tháng 11, PCE cơ bản sẽ tiếp tục tăng, PCE inflation (PCE bao gồm các yếu tố lạm phát) sẽ vẫn duy trì ổn định, với CPI lõi chỉ tăng 0.1%. Chỉ số niềm tin tiêu dùng tăng 3,6 điểm từ 71,6 tháng 11 lên 74.2.

Tính đến 12/11, số đơn xin trợ cấp lạm phát đã giảm gần 3000 xuống còn 420,000 đơn. Trung bình bốn tuần là 422,250 đơn đánh dấu mức giảm liên tiếp trong 6 tuần, thể hiện sự tăng trưởng bền vững ổn định

Châu Á: Thị trường chứng khoán Nhật Bản và Trung Quốc sau 2 ngày tăng điểm quay đầu suy yếu sau khi Chính phủ Nhật Bản nhận định bi quan về nền kinh tế nước này: mức tăng GDP ước tính giảm xuống chỉ còn 1.5% so với 3% kế hoạch ban đầu, cắt giảm triển vọng xuất khẩu do tỷ giá tiền Yên tăng

Lãi suất trái phiếu chính phủ của Trung Quốc ở mức 1,7%, thấp nhất trong các chỉ số quan sát 10 quốc gia lớn nhất châu Á ngoại trừ Nhật Bản của HSBC Holdings Plc. Ngân hàng nhân dân Trung Quốc đã ngừng tăng lãi suất từ tháng 11, do lo ngại việc tăng lãi suất sẽ thu hút dòng vốn vào trong nước làm gia tăng lạm phát. CPI tính đến thời điểm hiện tại ở mức 5.1% cao nhất trong 28 tháng

Tình hình trong nước. Giải ngân vốn FDI hoàn thành kế hoạch với 11 tỷ USD giải ngân năm 2010, tăng 10% so với năm ngoái, đứng đầu vẫn là ngành bất động sản với 6,8 tỷ, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đứng thứ hai về tổng vốn thu hút trên 5 tỷ USD. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước đứng thứ ba với trên 2,9 tỷ USD.

Lãi suất cho vay qua đêm giảm mạnh xuống gần 10%/năm. Đến ngày 16/12, lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng đã giảm mạnh từ 12,05% xuống 10,62%/năm. Ngoài lãi suất cho vay qua đêm, chỉ có lãi suất kỳ hạn 06 tháng giảm xuống dưới 13%/năm, còn lại các kỳ hạn 02 tuần, 01 tháng tăng nhẹ, lên lần lượt 13,06%/năm và 13.35%/năm

Giá vàng trong nước sáng nay tiếp tục giảm so với hôm qua. Giá vàng trung bình sáng qua trên cửa hàng vàng quanh mức 35.77/35.86 tr đồng/lượng (mua vào/bán ra) , giảm 50

ngàn/lượng. Tỷ giá đô la tiếp tục giảm, trên thị trường tự do, tỷ giá quanh mức 21.020/21.070 VND/USD.

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google
Finance; CNNMoney,
CNBC

Giá dầu kỳ hạn (NYMEX)



Giá vàng kỳ hạn (COMEX)



Sau 4 ngày tăng giá liên tiếp, giá vàng bắt đầu giảm. Dầu đắt trên mức 90\$/thùng

Giá vàng bắt đầu hạ nhiệt. Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/12 tại thị trường New York, giá vàng giao ngay đóng cửa ở mức 1385.55/ounce, giảm 0.36%. Giá vàng kỳ hạn giao tháng 2 giảm xuống 1386.4\$/ounce, giảm 0,07%. Theo nhận xét của các nhà phân tích, giá vàng sẽ khó vượt lên 1400\$/ounce trong thời điểm hiện tại

Dầu thô đạt trên 90\$/thùng . Giá dầu thô tiếp tục tăng trong phiên giao dịch 22/12 tại thị trường New York do thời tiết giá lạnh ở Mỹ làm tăng nhu cầu sử dụng. Tại thời điểm 13:39 GMT+7 sáng nay, giá dầu kỳ hạn giao tháng 2 ở mức 90,52 USD/thùng, tăng 0.04%, giá dầu Brent giao tháng 2 tại London ở mức 93,37 USD/thùng, giảm nhẹ 0.3%.

Xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng mạnh : sau khi hoàn thành chỉ tiêu kim ngạch, hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng mạnh trong nửa đầu tháng 12/2010. Trong 15 ngày đầu tháng 12, hoạt động ngoại thương đạt gần 3,24 tỷ USD, tăng gần 9,5% so với cùng kỳ tháng trước. Nhập khẩu cùng thời kỳ đạt gần 4,1 tỷ USD, tăng 6,6%. Dự báo nhập khẩu tháng 12 sẽ đạt mức khá cao hơn so với tháng trước.

Giá ngô và đậu tương trên thị trường thế giới tăng mạnh: do thời tiết xấu ảnh hưởng nguồn cung từ khu vực Nam Mỹ, giá đậu tương kỳ hạn đã tăng lên mức cao nhất trong năm tuần, đạt 13,2625 USD/bushel, trong khi giá ngô cũng tiếp tục phiên thứ 4 đi lên.

LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung	28.66	1,331,367	10,010	6/01/2011	Từ 17/12/2010 đến 30/12/2010
Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	350.00	4,292,800	10,000	5/01/2011	Từ 16/12/2010
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Nông thổ sản II	64.00	4,313,200	10,000	30/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)	2,600.00	13,000,000	21,000	29/12/2010	Từ 10/12/2010
Cảng Mỹ Thới An Giang	138.00	956,900	10,000	28/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	0
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010
CTCP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	HNX	108	30/11/2010
CTCP Đầu tư Sông Hồng - Thăng Long	HNX	30	26/11/2010
CTCP Hanel Xốp Nhựa	HNX	50	26/11/2010
CTCP Tập đoàn Tân Mai	HNX	780.74927	24/11/2010
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	HSX	604.921	23/11/2010
CTCP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	HNX	300	23/11/2010
CTCP Tấn Phát	HSX	120	19/11/2010
TCP Sản xuất và Thương mại Minh Phúc	HNX	47.5777	15/11/2010
CTCP Chứng khoán An Thành	HNX	41	12/11/2010
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	11/11/2010
CTCP Đường Kon Tum	HNX	30	03/11/2010
CTCP Thực phẩm Bích Chi	HSX		03/11/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Gỗ MDF - Geruco - Quảng Trị	HNX	344.46	17/12/2010
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	HSX		17/12/2010
CTCP Đường Bình Định	HNX		16/12/2010
CTCP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	HSX	104	10/12/2010
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	150	09/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	HNX	188.7	09/12/2010
CTCP Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	UPCOM		03/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HSX	120	01/12/2010

Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	HNX	450	26/11/2010
CTCP Than Vàng Danh - TKV	HNX	152.8079	26/11/2010
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	26/11/2010
Tổng CTCP Y tế Danameco	HNX		25/11/2010
CTCP Thủy sản Getranco	HNX		25/11/2010
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	HSX		25/11/2010
CTCP Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	35	22/11/2010

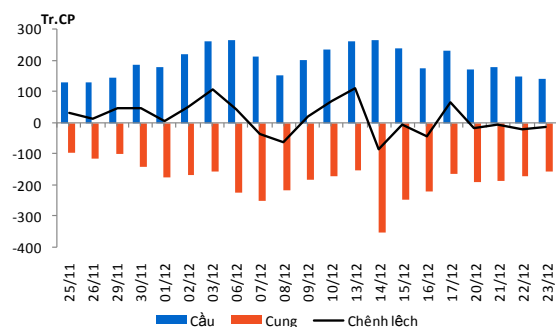
Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Dịch vụ Bến Thành	BSC	HNX	30.00		05/01/2011
CTCP Viễn thông – Tin học – Điện tử	KST	HNX	30.00		29/12/2010
CTCP Vận tải biển Sài Gòn	SGS	UPCOM	14.42		22/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HTI	HSX	249.49		20/12/2010
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt may	VTI	UPCOM			17/12/2010
CTCP Everpia Việt Nam	EVE	HSX	153.28		17/12/2010
CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	PV2	HNX	182.51		16/12/2010
CTCP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	MNC	HNX	70.17		16/12/2010
CTCP Kim Khí Miền Trung	KMT	HNX			15/12/2010
CTCP Viễn Thông Vạn Xuân	VAT	HNX	12.00		15/12/2010
CTCP Phát triển nhà & Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh	MCL	HNX	22.20		13/12/2010
CTCP Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí – Idico Long Sơn	PXL	HSX	827.22		09/12/2010

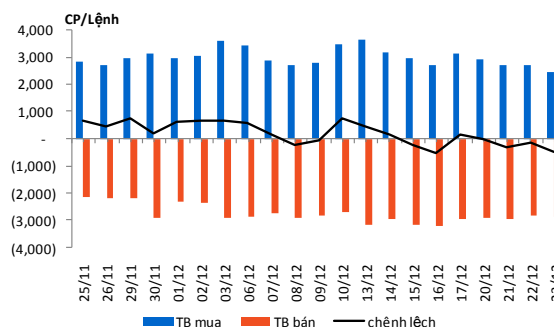
Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

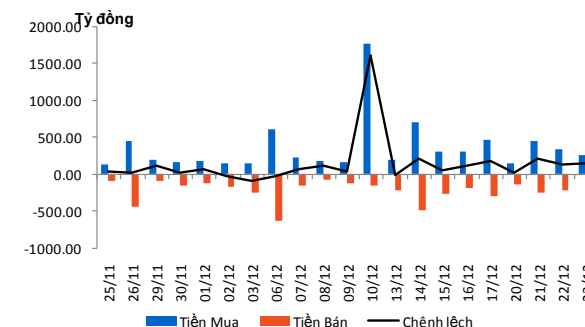
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)

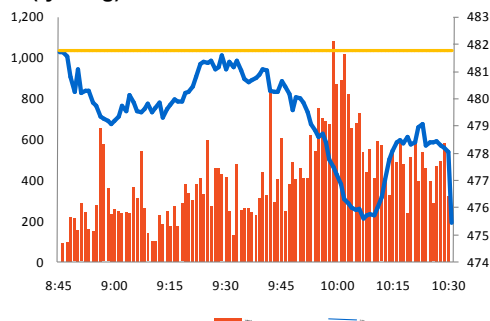


Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



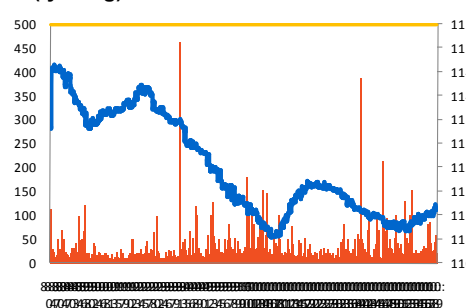
HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	475.41 ↓	-6.12	-1.27%
KLGD (triệu ck)	57.02 ↓	-4.49	-7.29%
GTGD (tỷ đồng)	1,405.42 ↓	-37.21	-2.58%
Tổng cung (triệu ck)	98.53 ↓	-10.87	-9.94%
Tổng cầu (triệu ck)	91.08 ↓	-1.96	-2.11%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	6.64 ↓	-2.14	-24.39%
KL bán (triệu ck)	2.25 ↓	-2.21	-49.48%
Giá trị mua (tỷ đồng)	237.81 ↓	-80.59	-25.31%
Giá trị bán (tỷ đồng)	105.44 ↓	-102.39	-49.27%



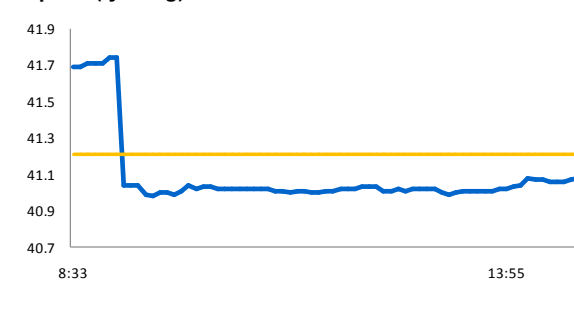
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	111.22 ↓	-2.51	-2.21%
KLGD (triệu ck)	40.75 ↑	4.67	12.94%
GTGD (tỷ đồng)	843.98 ↑	158.62	23.14%
Tổng cung (triệu ck)	56.63 ↓	-4.11	-6.76%
Tổng cầu (triệu ck)	50.27 ↓	-5.82	-10.38%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.26 ↓	-0.07	-5.00%
KL bán (triệu ck)	0.50 ↑	0.20	64.12%
Giá trị mua (tỷ đồng)	26.32 ↓	-0.21	-0.77%
Giá trị bán (tỷ đồng)	10.04 ↑	3.83	61.77%



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	41.07 ↓	-0.33	-0.80%
KLGD (triệu ck)	0.34 ↑	0.15	77.98%
GTGD (tỷ đồng)	3.27 ↑	1.48	82.82%
Tổng cung (triệu ck)	0.69 ↓	-0.08	-10.33%
Tổng cầu (triệu ck)	0.48 ↓	-0.09	-15.02%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↓	-0.01	-78.95%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.04 ↓	-0.13	-76.18%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SSI	31,100	30,700	-1.29	114,196
QCG	27,600	27,000	-2.17	95,302
VCB	30,500	30,300	-0.66	62,545
LCG	34,000	33,100	-2.65	42,335
FPT	64,500	65,000	0.78	41,667

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
COM	35,000	36,700	1,700	4.86
IJC	18,600	19,500	900	4.84
VPL	37,500	39,300	1,800	4.80
TS4	21,400	22,400	1,000	4.67
DAG	15,000	15,700	700	4.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TSC	18,000	17,100	-900	-5.00
HTI	18,100	17,200	-900	-4.97
VFC	20,200	19,200	-1,000	-4.95
HAS	10,200	9,700	-500	-4.90
SRC	24,500	23,300	-1,200	-4.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
HAG	24,964	FPT	27,281
KBC	21,476	HAG	10,850
PVD	13,345	PAC	8,100
DPM	12,475	BVH	7,560
PVF	12,131	PVF	6,871

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SQC	83,600	83,000	-0.72	97,737
KLS	16,400	15,600	-4.88	85,705
PVX	22,000	21,500	-2.27	78,105
VND	24,000	22,800	-5.00	69,410
BVS	27,900	26,100	-6.45	46,105

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VCM	24,300	26,000	1,700	7.00
NHC	33,000	35,300	2,300	6.97
NBC	31,600	33,800	2,200	6.96
SVI	23,000	24,600	1,600	6.96
MIC	61,100	65,300	4,200	6.87

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SGC	21,500	20,000	-1,500	-6.98
C92	24,400	22,700	-1,700	-6.97
HBE	7,200	6,700	-500	-6.94
SDA	21,600	20,100	-1,500	-6.94
MKV	24,500	22,800	-1,700	-6.94

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
KLS	5,824	TDN	2,315
PVI	3,693	PVI	1,786
PVS	3,634	BVS	1,087
PVX	2,109	VND	781
VCG	1,745	TCS	704

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
NT2	11,700	10,600	-9.40	945
TGP	7,700	7,000	-9.09	937
UDJ	11,300	11,500	1.77	408
ACC	25,000	24,600	-1.60	228
PSB	8,800	8,600	-2.27	167

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PTT	6,700	7,700	1,000	14.93
IN4	9,300	10,200	900	9.68
ND2	5,800	6,300	500	8.62
PTP	7,400	8,000	600	8.11
WSB	18,700	19,900	1,200	6.42

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NDC	39,400	27,000	-12,400	-31.47
PMT	7,200	6,500	-700	-9.72
NT2	11,700	10,600	-1,100	-9.40
ICI	9,900	9,000	-900	-9.09
TGP	7,700	7,000	-700	-9.09

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
HIG	40		0

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339